

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 9 - NINH BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 60/2025/HNGĐ-ST
Ngày 16-12-2025
V/v: “Ly hôn, nuôi con chung giữa chị
Lan A và anh N”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 - TỈNH NINH BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thuý Nga

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Chuyết;

Ông Vũ Văn Phong.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thanh Hiếu - Thư ký viên Tòa án nhân dân khu vực 9, tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thuần - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 9, tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 115/2025/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 10 năm 2025 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 11 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 27/2025/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 12 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị [Đinh Thị Lan A](#), sinh ngày 25/01/2000, Căn cước số 037300002923 cấp ngày 13/4/2021, nơi thường trú: [Thôn H, xã Q, tỉnh Ninh Bình](#).

- Bị đơn: Anh [Lê Văn N](#), sinh ngày 19/12/1992, căn cước công dân số 036092013656 cấp ngày 02/7/2021, nơi thường trú: [Xóm N, xã M, tỉnh Ninh Bình](#).

Tại phiên tòa: Chị [Lan A](#) có đơn xin xét xử vắng mặt, anh [N](#) đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện xin ly hôn, bản tự khai, nguyên đơn chị [Đinh Thị Lan A](#) trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh [Lê Văn N](#) tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (UBND) [xã T, huyện T, tỉnh Nam Định](#) (nay là [UBND xã M](#), tỉnh Ninh Bình) vào ngày 08/6/2022. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Vợ chồng chị đã sống ly thân từ tháng 11 năm 2024 đến nay không ai quan tâm đến ai. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa nên chị đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 9, tỉnh Ninh Bình không tiến hành hoà giải và giải quyết ly hôn giữa chị và anh [Lê Văn N](#).

- Về con chung: Vợ chồng có một con chung là [Lê Khánh L](#), sinh ngày 28/8/2022. Hiện con chung đang ở cùng với chị. Khi ly hôn, chị có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh [N](#) cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

- Về tài sản, công nợ chung: chị [Lan A](#) xác định vợ chồng không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân khu vực 9, tỉnh Ninh Bình nhiều lần gửi giấy triệu tập và thông báo tiếp cận công khai chứng cứ cho anh [N](#) nhưng anh [N](#) không đến Tòa án làm việc và trình bày quan điểm. Vì vậy, Tòa án tiến hành xác minh thu thập chứng cứ tại địa phương [xã M, tỉnh Ninh Bình](#) để làm căn cứ giải quyết theo quy định pháp luật. Kết quả xác minh như sau:

Chị [Đinh Thị Lan A](#) và anh [Lê Văn N](#) có đăng ký kết hôn tại [UBND xã T, huyện T, tỉnh Nam Định](#) (nay là [UBND xã M](#), tỉnh Ninh Bình) vào ngày 08/6/2022. Quá trình chung sống, vợ chồng chị [Lan A](#) và anh [N](#) có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn thì chính quyền địa phương không nắm rõ. Vợ chồng chị [Lan A](#) và anh [N](#) có một con chung là [Lê Khánh L](#), sinh ngày 28/8/2022. Về tài sản và công nợ chung của vợ chồng chị [Lan A](#) và anh [N](#) thì địa phương không nắm được. Anh [Lê Văn N](#) hiện vẫn đang đăng ký hộ khẩu thường trú tại [xóm N, xã M, tỉnh Ninh Bình](#). Ủy ban nhân dân xã [M](#), tỉnh Ninh Bình đã phân công ông [Nguyễn Văn K](#) - trưởng [xóm N, xã M](#) dẫn đoàn làm việc của Tòa án xuống nhà anh [Lê Văn N](#). Tuy nhiên, gia đình anh [N](#) không có ai ở nhà. Theo ông [K](#) cung cấp, anh [N](#) đi làm ở xa nhưng vẫn thường xuyên về nhà và liên lạc với gia đình. Ông [K](#) với tư cách là trưởng [xóm N](#) đã nhận trách nhiệm nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và thông báo cho anh [N](#) được biết ngay. Đối với yêu cầu xin ly hôn, tranh chấp nuôi con chung của chị [Lan A](#), chính quyền địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, chị [Đinh Thị Lan A](#) xin vắng mặt nhưng vẫn giữ nguyên ý kiến đã trình bày, anh [Lê Văn N](#) vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9, tỉnh Ninh Bình phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án:

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đúng quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự (BLTTDS). Nguyên đơn đã chấp hành nghiêm chỉnh quy định về quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70; 71 BLTTDS. Bị đơn mặc dù đã được tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng không có mặt và không xuất trình chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình, là vi phạm quy định về quyền và nghĩa vụ của bị đơn theo quy định tại các Điều 70; 72 BLTTDS. Việc Tòa án mở phiên tòa xét xử vụ án khi nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 là đúng quy định tại Điều 238 BLTTDS.

- Về nội dung: Xét thấy vợ chồng chị [Lan A](#) và anh [N](#) mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 51, điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị [Đinh Thị Lan A](#), xử ly hôn giữa chị [Đinh Thị Lan A](#) và anh [Lê Văn N](#). Về con chung, chị [Đinh Thị Lan A](#) và anh [Lê Văn N](#) có một con chung là [Lê Khánh L](#), sinh ngày 28/8/2022. Hiện con chung đang ở cùng với chị [Lan A](#). Căn cứ Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử giao cho chị [Đinh Thị Lan A](#) tiếp tục nuôi dưỡng con chung [Lê Khánh L](#). Việc chị [Lan A](#) không yêu cầu anh [N](#) cấp dưỡng tiền nuôi con là tự nguyện nên được chấp nhận. Về tài sản và công nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét. Án phí dân sự sơ thẩm, chị [Lan A](#) phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành các thủ tục tổng đạt văn bản tố tụng cho nguyên đơn, bị đơn được biết. Nguyên đơn đã chấp hành nghiêm chỉnh quy định về quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70; 71 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn mặc dù đã được tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng không có mặt tại các buổi làm việc đề xuất trình chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình là vi phạm quy định về quyền và nghĩa vụ của bị đơn theo quy định tại các Điều 70; 72 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt chị [Lan A](#), anh [N](#) là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị [Đinh Thị Lan A](#) và anh [Lê Văn N](#) tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại [UBND xã T, huyện T, tỉnh Nam Định](#) (nay là [UBND xã M, tỉnh Ninh Bình](#)) vào ngày 08/6/2022. Như vậy, cuộc hôn nhân này là hợp pháp theo quy định tại Điều 8 Luật hôn nhân và gia đình. Quá trình chung sống giữa chị [Đinh Thị Lan A](#) và anh [Lê Văn N](#) đã phát sinh mâu thuẫn trầm trọng do thời gian tìm hiểu nhau chưa nhiều, quan điểm và tính cách sống không phù hợp. Vợ chồng thường xuyên cãi nhau và có lần anh [N](#) còn đánh chị [Lan A](#). Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 11/2024 cho đến nay, không còn quan tâm đến nhau và mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần chấp nhận nguyện vọng xin ly hôn của chị [Lan A](#) để giải phóng cho hai bên là phù hợp với quy định tại Điều 51; Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung, cấp dưỡng nuôi con chung: Chị [Đinh Thị Lan A](#) và anh [Lê Văn N](#) có một con chung là [Lê Khánh L](#), sinh ngày 28/8/2022. Hiện con chung đang ở cùng với chị [Lan A](#). Ly hôn, chị [Lan A](#) có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh [N](#) cấp dưỡng tiền nuôi con. Xét nguyện vọng và điều kiện của chị [Lan A](#), Hội đồng xét xử thấy: Từ khi vợ chồng ly thân con chung do chị [Lan A](#) chăm sóc, anh [N](#) không quan tâm chăm sóc con và cũng không cấp dưỡng nuôi con cho chị [Lan A](#). Quá trình giải quyết vụ án, anh [N](#) đã biết được yêu cầu của chị [Lan A](#) đề nghị nhận nuôi con chung, tuy nhiên anh [N](#) không đến Toà án trình bày quan điểm gì liên quan đến việc nuôi dưỡng con chung. Hiện chị làm giáo viên có thu nhập ổn định. Vì vậy, để đảm bảo điều kiện nuôi dưỡng, ổn định và sự phát triển mọi mặt của con chung nên giao con chung [Lê Khánh L](#) cho chị [Lan A](#) tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc. Anh [N](#) không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị [Lan A](#) (do chị [Lan A](#) không yêu cầu) là phù hợp với Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình.

[4] Về tài sản và công nợ chung: Chị [Đinh Thị Lan A](#) không yêu cầu Toà án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Đương sự phải nộp án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Điều 28; Điều 35; Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án:

1. Xử lý hôn giữa chị [Đinh Thị Lan A](#) và anh [Lê Văn N](#).

2. Về con chung: Giao con chung là Lê Khánh L, sinh ngày 28/8/2022 cho chị Đinh Thị Lan A tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con chung thành niên. Anh N không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho chị Lan A. Hai bên có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung.

3. Án phí: Chị Đinh Thị Lan A phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Được trừ với số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị Lan A đã nộp theo biên lai thu tiền số 0001718 ngày 15 tháng 10 năm 2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình. Chị Lan A đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Chị Đinh Thị Lan A và anh Lê Văn N vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế Thi hành án theo các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn C

Vũ Văn P

Nơi nhận:

- TAND + VKSND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND khu vực 9 - Ninh Bình;
- Phòng THADS khu vực 9 - Ninh Bình;
- UBND xã Minh Thái, Ninh Bình;
- UBND xã **Quỳnh Lưu**, Ninh Bình;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thuý Nga

